

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ NĂNG LỰC VẬN ĐỘNG CỦA TRẺ TỰ KỶ MỨC ĐỘ NHẸ VÀ TRUNG BÌNH THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÁ BIỆT HÓA

Phan Ngọc Thiết Kế⁽¹⁾

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đã lựa chọn được 5 nội dung kỹ năng vận động (KNVD) và 25 tiêu chí để khảo sát đánh giá thực trạng và hiệu quả năng lực vận động của trẻ tự kỷ (TTK) mức độ nhẹ và trung bình tại thành phố Đà Nẵng (tp. ĐN) tham gia Chương trình giáo dục cá biệt hóa. Thông qua bảng kiểm tra đánh giá thực trạng 5 trẻ tự kỷ nhẹ và trung bình lứa tuổi 4-5 tuổi đang học tại các trung tâm tp. ĐN đều chưa có hoặc đang trong giai đoạn hình thành các KNVD. Trong đó, các KN mà trẻ gặp khó khăn nhất là các KN vận động tinh phối hợp tay – mắt; nhóm KN vận động ném, chuyền, bắt; nhóm KN vận động nhảy – bật và KN vận động đi, chạy và thăng bằng. Sau 6 tháng thực nghiệm chương trình cá biệt hóa các KN mà trẻ gặp khó khăn, KNVD của trẻ đã có những phát triển rõ rệt so với ban đầu, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$).

Từ khóa: Trẻ tự kỷ; Kỹ năng vận động; tp. Đà Nẵng; Chương trình giáo dục cá biệt hóa.

Effective motor capacity assessment of children suffering mild and moderate autism through a personalized program

Summary:

Through conventional scientific research methods, the author has selected 5 groups of motor skills content and 25 criteria to survey and evaluate the current status and effectiveness of motor skills of children suffering mild and moderate autism in Da Nang City through a personalized program. The author has done an assessment test about the situation of 5 mild and moderate autistic children aged 4-5 years old, who are taking classes at centers in Ho Chi Minh City. All skills do not present or in the process of skill formation. In which, the skills that children have the most difficulty are hand-eye coordination skills; skills in throwing, passing and catching; motor skills in stepping - jumping and skills in walking, running and balancing. After 6 months of experimenting through the personalized program, children's motor skills have significantly improved compared to the original, the difference is statistically significant ($P < 0.05$).

Keywords: Status; Autistic children; Motor skills; City. Danang; Personalized program.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục cá biệt hóa dành cho tất cả học sinh trong lớp, căn cứ vào một số khác biệt nổi trội của đặc điểm tâm lý và nhu cầu phát triển cá thể riêng biệt. Mục đích của Chương trình là thông qua thiết kế, bố trí kế hoạch giáo dục một cách hệ thống, nhằm đạt được hiệu quả giáo dục phát triển cá tính của mỗi học sinh. Hình thức giáo dục này từ khi mới phát triển đã được sử dụng rộng rãi trên phạm vi thế giới, không chỉ là giáo dục phổ thông, nó còn bao gồm cả giáo dục đặc biệt, nhất là giáo dục chuyên biệt dành cho những trẻ có trở ngại về trí tuệ, đặc biệt là đối với trẻ tự kỷ (TTK). Đối với trẻ khuyết tật nói chung

cũng như TTK nói riêng, vai trò và ý nghĩa của Chương trình giáo dục cá biệt hóa trở nên quan trọng hơn, được quan tâm nhiều hơn. Hay nói cách khác, chỉ khi lấy việc làm tốt công tác giáo dục cá nhân làm tiền đề, thì nhận thức về giáo dục và khâu tổ chức các hoạt động của trẻ khuyết tật mới dễ thực thi.

Trẻ tự kỷ có nhiều khiếm khuyết, đặc biệt là khiếm khuyết về giao tiếp và tương tác xã hội; đồng thời trẻ có những rập khuôn, cứng nhắc trong sở thích và hoạt động [5].

Đa số TTK đều gặp khó khăn về vận động, trong đó có khoảng 1/3 số trẻ thuộc thể I, khó hoạt hóa được hoạt động vận động của cơ thể trẻ;

⁽¹⁾ThS, Khoa Giáo dục Thể chất – Đại học Đà Nẵng; Email: pnthietke@gmail.com

2/3 số trẻ thường tăng động và khó khăn trong việc tự kiểm soát hành vi của mình; thêm vào đó là vấn đề khó khăn trong khả năng điều hòa cảm giác cơ thể. Vậy, tác động đến vận động là điều đầu tiên cần thực hiện để giúp trẻ giữ cơ thể trong trạng thái cân bằng, có thể hoạt động, học tập và làm việc hiệu quả. Hầu hết TTK gặp khó khăn trong việc xác định tính mục đích của hoạt động. Vận động ở TTK thường tự phát mà chính bản thân trẻ cũng không kiểm soát được. Vận động là kỹ năng nền tảng góp phần giúp TTK kiểm soát hành vi, hoạt hóa hành vi – vận động, đẩy nhanh hoặc kiểm soát tốc độ và khả năng tư duy... Quá trình học tập và rèn luyện của trẻ sẽ diễn ra hiệu quả hơn.

Trong bài báo này chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu đề tài “Đánh giá hiệu quả năng lực vận động của trẻ tự kỷ mức độ nhẹ - trung bình thông qua chương trình cá biệt hóa” làm cơ sở đánh giá hiệu quả của Chương trình giáo dục cá biệt hóa mang lại trong việc phát triển các năng lực vận động của TTK mức độ nhẹ và trung bình tại tp Đà Nẵng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp kiểm tra sự phạm và Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn các nội dung và các tiêu chí ứng dụng đánh giá thực trạng và mức độ phát triển năng lực vận động TTK tại thành phố Đà Nẵng

Qua quá trình tìm hiểu, tổng hợp, thống kê, phân tích sự trùng lặp đã được đăng tải qua các tài liệu tham khảo và kết hợp với đánh giá điều kiện tổ chức tập luyện, thực tế trang thiết bị kiểm tra hiện có của các trường và trung tâm tại tp. ĐN, cũng như đặc điểm của TTK, chúng tôi quyết định lựa chọn các nhóm nội dung phát triển khả năng vận động cho trẻ được sử dụng trong Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục mầm non ngày 24/01/2017 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT [1]. Kết quả đã lựa chọn được 5 nội dung và 50 tiêu chí phù hợp để đánh giá thực trạng KNVD cho TTK tại tp Đà Nẵng.

Sau bước đầu lựa chọn được 5 nội dung và 50 tiêu chí chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi. Tổng số người được hỏi là 20 người gồm các chuyên gia về tâm lý, tâm vận động và các chuyên gia GDTC. Phỏng vấn được đánh giá bằng điểm theo 3 mức: Ưu tiên 1: 3 điểm, Ưu tiên 2: 2 điểm, Ưu tiên 3: 1 điểm.

Các nội dung kiểm tra KNVD và các tiêu chí đánh giá có số phiếu tán thành ở mức độ ưu tiên 1 cao, từ 16 trở lên, chiếm trên 60% số phiếu được hỏi. Kết quả phỏng vấn đã chọn được 5 nội dung kiểm tra KNVD và 25 tiêu chí có tổng điểm đạt từ 57 điểm trở lên. Các nội dung và các tiêu chí lựa chọn được trình bày ở bảng 1.

Cách tính điểm trong bảng kiểm tra đánh giá các nội dung và tiêu chí kiểm tra KNVD dành cho giáo viên giáo dục đặc biệt để đánh giá mức độ KNVD của từng trẻ [3] được chia theo các mức sau:

- + 0 điểm: Trẻ không làm được
- + 1 điểm: Trẻ làm được nhưng phải có trợ giúp, hướng dẫn
- + 2 điểm: Trẻ tự làm được mà không cần hướng dẫn

2. Đánh giá thực trạng và mức độ phát triển năng lực vận động của TTK mức độ nhẹ và trung bình (4 – 5 tuổi) trước và sau khi áp dụng chương trình cá biệt hóa

2.1. Các bước tiến hành để đánh giá thực trạng và mức độ phát triển năng lực vận động của TTK mức độ nhẹ và trung bình (4 – 5 tuổi)

Để đánh giá thực trạng và mức độ phát triển năng lực vận động của TTK mức độ nhẹ và trung bình (4 – 5 tuổi) chúng tôi thực hiện các bước sau đây:

Bước 1: Trước khi thực nghiệm, chúng tôi tiến hành nghiên cứu hồ sơ của trẻ và tiến hành chọn khách thể nghiên cứu: Từ hồ sơ lưu của Trung tâm giáo dục đặc biệt Hoa Xương Rồng và Ước Mơ Xanh (trường đặc biệt cho trẻ em tự kỷ và tăng động của tp Đà Nẵng – Việt Nam) nghiên cứu và chọn khách thể là lớp tự kỷ (lứa tuổi từ 4 -5 tuổi, mức độ tự kỷ nhẹ - trung bình, mới vào trường năm đầu). Tiến hành dùng thang độ Cars để đánh giá lại mức độ tự kỷ của các em, từ đó chọn ra 5 em có chỉ số gần như tương đồng (Từ 31 điểm – 36 điểm: Tự kỷ nhẹ đến vừa) để chọn làm khách thể thực nghiệm.

Bảng 1. Nội dung và các tiêu chí kiểm tra kỹ năng vận động của TTK

Nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Tiêu chí kiểm tra
Kỹ năng vận động đi, chạy và thăng bằng	Kiểm tra khả năng đi, chạy không chế trọng lượng cơ thể và duy trì thăng bằng của trẻ	1. Đi bộ hoặc chạy chậm có thay đổi tiết tấu theo hiệu lệnh 2. Đi bộ hoặc chạy chậm theo đường hẹp 3. Đi bộ hoặc chạy chậm theo đường díc dắc 4. Đi bộ hoặc chạy chậm theo vòng tròn 5. Đi bộ bằng gót chân
Kỹ năng vận động bò, trườn, trèo	Kiểm tra khả năng bò, trườn, trèo di chuyển từ mặt phẳng trụ bên này sang bên kia của cơ thể trẻ	1. Bò trườn theo hướng thẳng đứng 2. Bò theo đường díc dắc 3. Bò chui qua ống 4. Bước chân luân phiên lên bậc thang 5. Bước lên xuống bậc cao (30cm)
Kỹ năng vận động ném, chuyền và bắt	Kiểm tra khả năng ném, chuyền và bắt bóng của trẻ	1. Động tác tung – bắt bóng 2. Động tác Đập – bắt bóng 3. Động tác chuyền bóng 2 tay theo hàng ngang hoặc dọc 4. Ném bóng 1 tay 5. Ném trúng đích nằm ngang bằng một tay (xa 1-1,5m)
Kỹ năng vận động nhảy – bật	Kiểm tra khả năng sức mạnh chi dưới của trẻ	1. Bật liên tục tại chỗ 3 – 4 lần 2. Bật tiến về phía trước 3 – 4 bước 3. Bật xa 20-25cm 4. Bật nhảy qua dây với độ cao nhất định 5. Nhảy bậc thang bằng cả hai chân
Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay – mắt	Kiểm tra khả năng phối hợp giữa mắt với tay của trẻ	1. Xâu 6 hạt 2. Xếp chồng 8 -10 khối không đổ 3. Vẽ hình tròn theo mẫu 4. Tự cởi nút áo 5. Cắt theo đường thẳng dài 10cm

Sau đó sử dụng nội dung và các tiêu chí kiểm tra KNVD đã được lựa chọn và cách tính điểm được trình bày ở phần trên để tiến hành đánh giá thực trạng KNVD cho trẻ nhằm chuẩn bị cho thực nghiệm Chương trình Giáo dục cá biệt hóa sau này.

Bước 2: Trên cơ sở đánh giá KNVD của trẻ, tiến hành lựa chọn các bài tập và xây dựng chương trình giáo dục và tập luyện cá biệt hóa phù hợp với đối tượng nghiên cứu.

Phương án tập luyện của Chương trình Giáo dục cá biệt hóa:

Trên cơ sở phân tích KNVD của đối tượng,

kết hợp với đặc điểm cá nhân cùng phương pháp tập luyện 1- 1 (1 người hướng dẫn 1 người tập), chúng tôi đã tiến hành xây dựng kế hoạch tập luyện cá biệt hóa áp dụng các bài tập phù hợp cho từng em. Kế hoạch tập luyện cá biệt hóa của đề tài chỉ nhằm vào mục đích cải thiện các khả năng vận động còn yếu của trẻ gồm: Kỹ năng vận động đi, chạy và thăng bằng; Kỹ năng vận động ném, chuyền và bắt; Kỹ năng vận động bò, trườn, trèo; Kỹ năng vận động nhảy – bật và Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay – mắt. Các nhân tố chính cấu thành qui trình của kế hoạch tập luyện cá biệt hóa như sau:



Sơ đồ 1. Sơ đồ các nhân tố chính cấu thành quy trình của kế hoạch tập luyện cá biệt hóa

Bảng 2. Bảng đánh giá điểm trung bình các kĩ năng đạt được trong 3 lần kiểm tra của trẻ A

Kĩ năng	Điểm đạt được lần 1	Điểm đạt được lần 2	Điểm đạt được lần 3	TB
Kĩ năng vận động đi, chạy và thăng bằng	4	6	5	5
Kĩ năng vận động bò, trườn trèo	5	6	4	5
Kĩ năng vận động ném, chuyền, bắt	5	5	5	5
Kĩ năng vận động nhảy – bật	1	2	2	1,66
Kĩ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	0	1	1	0,66
Tổng điểm	15	20	17	17,32

Bảng 3. Bảng đánh giá điểm trung bình các kĩ năng đạt được trong 3 lần kiểm tra của trẻ B

Kĩ năng	Điểm đạt được lần 1	Điểm đạt được lần 2	Điểm đạt được lần 3	TB
Kĩ năng vận động đi, chạy và thăng bằng	2	3	2	2,33
Kĩ năng vận động bò, trườn trèo	6	6	4	5,33
Kĩ năng vận động ném, chuyền, bắt	5	5	6	5,33
Kĩ năng vận động nhảy – bật	6	7	6	6,33
Kĩ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	2	3	3	2,66
Tổng điểm	21	24	21	21,98

Bước 3: Sau khi kết thúc thời gian thực nghiệm, tiến hành kiểm tra KNVD của trẻ dưới sự giám sát của đội ngũ những người làm công tác chuyên môn giàu kinh nghiệm. Cuối cùng sẽ so sánh, phân tích số liệu thu được qua 2 lần trước và sau khi kết thúc thực nghiệm.

2.2. Đánh giá thực trạng năng lực vận động của TTK mức độ nhẹ và trung bình (4 – 5 tuổi) trước khi áp dụng chương trình cá biệt hóa

Vì đối tượng là TTK gặp chứng ngại nên chúng tôi tiến hành dùng phương pháp đánh giá

3 lần trong 3 ngày liên tiếp, cùng một mốc thời gian là 9h30 sáng. Kết quả của các trẻ như sau:

Qua bảng 2 cho thấy có 2 kĩ năng mà trẻ A gặp chứng ngại đó là: Kỹ năng vận động nhảy – bật và Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt.

Qua bảng 3 cho thấy có 2 kĩ năng mà trẻ B gặp chứng ngại đó là: Kĩ năng đi, chạy, thăng bằng và Kĩ năng vận động tinh phối hợp tay mắt.

Bảng 4. Bảng đánh giá tổng điểm các kĩ năng đạt được trong 3 lần kiểm tra của trẻ C

Kĩ năng	Điểm đạt được lần 1	Điểm đạt được lần 2	Điểm đạt được lần 3	TB
Kĩ năng vận động đi, chạy và thăng bằng	5	6	6	5.66
Kĩ năng vận động bò, trườn trèo	6	6	5	5.66
Kĩ năng vận động ném, chuyền, bắt	7	5	6	6.0
Kĩ năng vận động nhảy – bật	6	7	6	6.33
Kĩ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	1	2	1	1.33
Tổng điểm	25	26	24	24.98

Bảng 5. Bảng đánh giá tổng điểm các kĩ năng đạt được trong 3 lần kiểm tra của trẻ D

Kĩ năng	Điểm đạt được lần 1	Điểm đạt được lần 2	Điểm đạt được lần 3	TB
Kĩ năng vận động đi, chạy và thăng bằng	5	4	6	5.0
Kĩ năng vận động bò, trườn trèo	4	5	5	4.66
Kĩ năng vận động ném, chuyền, bắt	6	5	6	5.66
Kĩ năng vận động nhảy – bật	2	1	2	1.66
Kĩ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	1	2	1	1.33
Tổng điểm	18	17	20	18.31

Bảng 6. Bảng đánh giá tổng điểm các kĩ năng đạt được trong 3 lần kiểm tra của trẻ E

Kĩ năng	Điểm đạt được lần 1	Điểm đạt được lần 2	Điểm đạt được lần 3	TB
Kĩ năng vận động đi, chạy và thăng bằng	5	4	6	5.0
Kĩ năng vận động bò, trườn trèo	4	5	5	4.66
Kĩ năng vận động ném, chuyền, bắt	2	2	1	1.66
Kĩ năng vận động nhảy – bật	5	5	6	5.33
Kĩ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	1	1	1	1.0
Tổng điểm	17	17	19	17.65

Qua bảng 4 cho thấy kĩ năng mà trẻ gặp chướng ngại đó là: Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt.

Qua bảng 5 ta thấy được có 2 kỹ năng mà trẻ gặp chướng ngại đó là: Kỹ năng vận động nhảy – bật và Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt.

Quan bảng 6 ta thấy được có 2 kỹ năng mà trẻ gặp chướng ngại đó là: Kỹ năng vận động ném, chuyền bắt và Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt.

+ Nhận xét chung về thực trạng:

Năm trường hợp trên tuổi không khác nhau, là khoảng bốn hoặc năm tuổi, từ quan điểm của

sự can thiệp sớm, tất cả các em đều đang ở giai đoạn quan trọng của sự phát triển ngôn ngữ, biểu hiện hành vi của trẻ đều có những đặc điểm riêng của mình. Trong 5 nội dung đưa vào kiểm tra, thì trẻ A và D cùng biểu hiện sự yếu kém ở Kỹ năng vận động nhảy – bật và vận động tinh phối hợp tay mắt. Tương tự, trẻ E cũng có hai nội dung kém hơn là vận động ném, chuyền, bắt và vận động tinh phối hợp tay mắt. Trong khi đó, trẻ B cũng có 2 nội dung kém hơn là Kỹ năng vận động đi, chạy và thăng bằng và vận động tinh phối hợp tay mắt, còn trẻ C chỉ có duy nhất vận động tinh phối hợp tay mắt là còn hạn chế. Tuy nhiên, các em đều

mang đặc điểm vốn có của TTK, đó là: khả năng giao tiếp ngôn ngữ kém, giao tiếp xã hội và nhận thức xã hội kém, đam mê hạn hẹp, có hành vi lặp lại cố định cùng KNVD hạn chế. Khả năng tự xử lý các hoạt động sinh hoạt thường ngày của TTK cũng có sự khác biệt nhất định so với trẻ bình thường khác, sự phát triển về phương diện tình cảm sẽ có mối liên quan chặt chẽ đến người nuôi dưỡng trẻ.

2.3. Đánh giá hiệu quả mức độ phát triển năng lực vận động của TTK mức độ nhẹ và trung bình (4 – 5 tuổi) sau khi áp dụng Chương trình giáo dục cá biệt hóa

Sau 6 tháng thực nghiệm Chương trình giáo dục cá biệt hóa cho từng trẻ, chúng tôi tiến hành phân tích số liệu thu được qua 2 lần trước và sau khi thực nghiệm các kỹ năng cần được phát triển ở mỗi trẻ. Kết quả được trình bày tại bảng 7.

Bảng 7. Kết quả thống kê các kỹ năng cần được phát triển ở mỗi trẻ trước và sau thực nghiệm sau 6 tháng thực nghiệm

Đối tượng	Nội dung kiểm tra	Trước TN	Sau TN	W%	t	P
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$			
Trẻ A	Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	0.66±0.6	2.0±1.0	75.86	2.13	P<0.05
	Kỹ năng vận động nhảy – bật	1.66±0.58	3.0±1.0	57.14	2.31	P<0.05
Trẻ B	Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	2.66±0.6	4.0±1.0	52.63	3.22	P<0.05
	Kỹ năng vận động đi, chạy và thăng bằng	2.33±0.58	3.67±0.58	44.44	3.27	P<0.05
Trẻ C	Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	1.33±0.6	2.67±0.58	67	3.65	P<0.05
Trẻ D	Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	1.33±0.6	2.33±0.58	54.64	2.73	P<0.05
	Kỹ năng vận động nhảy – bật	1.66±0.58	3.33±0.58	66.67	4.08	P<0.05
Trẻ E	Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt	1.0±0.6	2.33±0.58	79.88	3.63	P<0.05
	Kỹ năng vận động ném, chuyên, bắt	1.66±0.58	3.33±0.58	66.67	4.08	P<0.05

Kết quả bảng 7 nhận thấy:

Trẻ A có điểm đạt được của Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt và Kỹ năng vận động nhảy – bật ở lần kiểm tra thứ 2 (sau 6 tháng thực nghiệm) đều tốt hơn so với lần thứ nhất, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$), nhịp tăng trưởng lần lượt đạt 75.86% và 57.14%.

Trẻ B có điểm đạt được của Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt và Kỹ năng vận động đi, chạy, thăng bằng ở lần kiểm tra thứ 2 đều tốt hơn so với lần thứ nhất, khác biệt có ý nghĩa thống kê, ($P < 0,05$), nhịp tăng trưởng lần lượt đạt 52.63% và 44.44%.

Trẻ C có điểm đạt được của Kỹ năng vận

động tinh phối hợp tay mắt ở lần kiểm tra thứ 2 tốt hơn so với lần thứ nhất, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, ($P < 0,05$), nhịp tăng trưởng đạt 67%.

Trẻ D có điểm đạt được của Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt và Kỹ năng vận động nhảy- bật ở lần kiểm tra thứ 2 đều tốt hơn so với lần thứ nhất, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, ($P < 0,05$), nhịp tăng trưởng lần lượt đạt 54.64% và 66.67%.

Trẻ E có điểm đạt được của Kỹ năng vận động tinh phối hợp tay mắt và Kỹ năng ném, chuyên, bắt ở lần kiểm tra thứ 2 đều tốt hơn so với lần thứ nhất, sự khác biệt có ý nghĩa thống



Khúc côn cầu mang lại sự hào hứng cho trẻ tự kỷ tại ngày hội “Thể thao dành cho Trẻ tự kỷ và các hoạt động tri ân thầy cô” nhân dịp 20.11 do Mạng lưới tự kỷ Việt Nam (VAN) phối hợp với Sở VH TT TP.HCM tổ chức (Ảnh nguồn VHO)

kê ($P < 0,05$), nhịp tăng trưởng lần lượt đạt 79.88% và 66.67%.

Tất cả các KNVĐ cần được phát triển ở mỗi trẻ sau thực nghiệm đều tốt hơn so với ban đầu và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$), nhịp tăng trưởng ở mỗi trẻ sau thực nghiệm đều có giá trị tăng trưởng cao. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy Chương trình giáo dục cá biệt hóa là chương trình phù hợp và hiệu quả đối với việc phát triển năng lực vận động cho TTK nhẹ và trung bình.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 5 nội dung và 25 tiêu chí đánh giá KNVĐ cho TTK tại tp Đà Nẵng.

Kết quả đánh giá thực trạng cho thấy tình trạng KNVĐ của TTK trong các hoạt động vận động còn hạn chế và có sự khác biệt giữa từng trẻ.

Tất cả các KNVĐ cần được phát triển ở mỗi trẻ sau thực nghiệm đều tốt hơn so với ban đầu, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$), nhịp tăng trưởng sau thực nghiệm đều có giá trị cao. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy Chương trình giáo dục cá biệt hóa là chương trình phù hợp và hiệu quả đối với việc phát triển KNVĐ cho TTK mức độ nhẹ và trung bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD & ĐT (2017), *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 Ban hành chương Chương trình Giáo dục Mầm non*.

2. Phan Ngọc Thiết Kế (2020), “Nghiên cứu phát triển khả năng vận động ở trẻ tự kỷ thông qua chương trình cá biệt hóa (IEP)”, *Đề tài cấp*

cơ sở của Sở KH & CN TP. Đà Nẵng.

3. Trần Thị Lệ Thu (2010), *Đại cương Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Dương Thiệu Tống (2000), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2012), *Giáo dục đặc biệt và những thuật ngữ cơ bản*, Nxb Đại học Sư phạm.

5. Greenspan S.I and Wieder S (2006), *Engaging Autism, Da Capo, U.S.A*

6. Hodgdon L.A (2003), *Solving Behavior Problems in Autism*, Quirk Roberts Publishing, Michigan, U.S.A.

7. Laura J.Hall (2009), “Autism spectrum disorders – from theory to practice”. Pearson Education, Inc Upper Saddle River, New Jersey U.S.A.

(Bài nộp ngày 7/7/2022, phản biện ngày 29/7/2022, duyệt in ngày 30/8/2022)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO**4. Trương Quốc Uyên**

Nữ vận động viên thể thao thành tích cao Việt Nam thực hiện lời dạy của Bác Hồ

7. Trương Anh Tuấn

Cần tập trung nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao

9. Đặng Văn Dũng

Mô hình đảm bảo phương pháp khoa học trong đào tạo vận động viên cấp cao

11. Nhật Minh

Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035

BÀI BÁO KHOA HỌC**14. Nguyễn Văn Phúc**

Mô hình lý thuyết giảm thiểu rủi ro trong hoạt động thể dục thể thao ở Việt Nam

20. Đỗ Hữu Trường; Nguyễn Xuân Thành

Các điều kiện triển khai mô hình phát triển thể dục thể thao quần chúng ở Miền núi

24. Đặng Văn Dũng; Phạm Thế Hưng

Cấu trúc quá trình huấn luyện trong giai đoạn huấn luyện ban đầu cho các câu lạc bộ Cờ vua chuyên nghiệp Miền Bắc

27. Lý Đức Trường; Lương Minh Khánh

Đặc điểm sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Võ – Quyền anh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 2015-2019

31. Phạm Văn Thắng; Lê Thị Tuyết Thương; Tôn Thanh Hải

Lựa chọn và xây dựng giải pháp phát triển phong trào tập luyện Bóng rổ cho học sinh các trường Trung học Phổ thông huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

36. Phan Ngọc Thiết Kế

Đánh giá hiệu quả năng lực vận động của trẻ tự kỷ mức độ nhẹ và trung bình tham gia chương trình giáo dục cá biệt hóa

43. Trần Minh Liên

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho nam sinh viên Ngành Công nghệ thông tin Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Thái Nguyên

47. Hà Thị Liên; Egorov V.N; Mironov D.L; Phạm Trường Nam

Động cơ và nhu cầu về hình thức, nội dung hoạt động thể thao của sinh viên Nga và sinh viên nước ngoài

52. Nguyễn Ngọc Minh; Nguyễn Văn Sơn

Thực trạng chất lượng quản lý hoạt động đào tạo Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao Đại học Quốc gia Hà Nội

58. Lưu Thị Như Quỳnh

Thực trạng tính tích cực học tập môn giáo dục thể chất và tập luyện thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

63. Nguyễn Tùng Lâm

Ứng dụng bài tập bổ trợ nâng cao sức mạnh cho nữ sinh viên Đội tuyển Aerobic Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

67. Trần Hiếu Ngân; Nguyễn Hoàng Minh Thuận

Sự hài lòng của vận động viên đối với chất lượng dịch vụ tại Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ Thành phố Hồ Chí Minh

73. Trần Vũ Phương

Ảnh hưởng của luyện tập Yoga đến một số chỉ số sinh hóa máu của người tập tại các trung tâm Yoga trên địa bàn Thành phố Tuyên Quang

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT**77. Phạm Tuấn Dũng; Đinh Thị Hằng**

6 bài tập nâng cao thể lực

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

High-achieving female athletes in Vietnam implement Uncle Ho's teachings

7. Truong Anh Tuan

Focus on improving the operational capacity of social organizations and vocational societies on physical training and sports

9. Dang Van Dung

Model used to ensure scientific method in training high-ranking athletes

11. Nhat Minh

Selecting, training and fostering sports talents and high-achievement sports human resources until 2035

ARTICLES

14. Nguyen Van Phuc

Theoretical model of risk reduction in sport activities in Vietnam

20. Do Huu Truong; Nguyen Xuan Thanh

Conditions for implementing the model of public sport development in the mountainous region

24. Dang Van Dung; Pham The Hung

Structure of the training process during the initial training phase for professional chess clubs in the North

27. Ly Duc Truong; Luong Minh Khanh

Characteristics of graduates majoring in Martial Arts - Boxing of Bac Ninh Sports University in the period 2015-2019

31. Pham Van Thang; Le Thi Tuyet Thuong; Ton Thanh Hai

Select and develop solutions to develop the basketball practice movement for high school students in Dong Anh district, Hanoi City

36. Phan Ngoc Thiet Ke

Effective motor capacity assessment of children suffering mild and moderate autism through a personalized program

43. Tran Minh Lien

Choosing exercises to develop general physical strength for male students majoring in Information Technology at Thai Nguyen University of Information and Communication Technology

47. Ha Thi Lien; Egorov V.N; Mironov D.L; Pham Truong Nam

Motivation and demand of the form and content of sports activities of Russian and foreign students

52. Nguyen Ngoc Minh; Nguyen Van Son

Current status of training activity quality management at the Center of Physical Education and Sports at Vietnam National University, Hanoi

58. Luu Thi Nhu Quynh

Actual status of active learning in the Physical education subject and extracurricular sports practice of students at Hung Vuong University

63. Nguyen Tung Lam

Application of supplementary exercises to improve female students' strength in the School Aerobic Team of Hanoi University of Physical Education and Sports

67. Tran Hieu Ngan; Nguyen Hoang Minh Thuan

Athletes' satisfaction with service quality at Phu Tho Sports Gymnasium, Ho Chi Minh City

73. Tran Vu Phuong

The influence of yoga practice on the change of some blood biochemical indicators of practitioners at Yoga centers in Tuyen Quang city

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

77. Pham Tuan Dung; Dinh Thi Hang

6 exercises to improve physical strength

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

**Số 4-2022
(71)**

